

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 36

Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỖ KHEO NI

Đoạn 1: NÓI VỀ 8 PHÁP BA LA DI

1. GIỚI DÂM DỤC

Đức Thế Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác từ lúc ban đầu phát tâm tu đạo nay đã thành tựu, đang an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, nơi thành Ca-duy-la-vệ, được chư Thiên, người đời tôn kính cúng dường, như trên đã nói rõ. Lúc ấy, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di cùng với năm trăm cô gái dòng họ Thích như: Xiển-đà-di, Xiển-đà-ba-la, Đà-bà-xiển-đà, mẹ Xiển-đà v.v... đi đến chỗ Phật, cúi đầu, đánh lễ đứng hầu một bên. Thế rồi, Đại-ái-đạo bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Phật ra đời khó gặp, được nghe pháp cũng khó, nay gặp Đức Như Lai xuất hiện trên đời, diễn thuyết diệu pháp cam lồ, khiến cho các chúng sinh chứng được đạo quả tịch diệt”. Như trong Kinh Đại-ái-đạo xuất gia đã nói rõ. Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay về sau, Tỳ-kheo ni Đại-ái-đạo là bậc Thượng tọa của Ni chúng, phải tuân thủ như thế”.

Lúc ấy, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã chế định bốn trọng giới cho các Tỳ-kheo, vậy chúng con có được phép nghe hay không?”.

Phật dạy: “Được! Nay Cù-đàm-di, nếu một thiện nữ có lòng tin, muốn được năm việc lợi ích, cần phải thọ trì hết giới bốn này. Năm việc lợi ích đó là:

1. Nếu một thiện nữ có lòng tin muốn xây dựng pháp Phật, phải giữ gìn trọn vẹn giới bốn này.
2. Nếu muốn cho Chánh pháp được tồn tại lâu dài, phải giữ gìn trọn vẹn giới bốn này.
3. Nếu muốn không còn nghi ngờ, phải thưa hỏi người khác, phải giữ gìn trọn vẹn giới bốn này.

4. Nếu muốn làm chỗ nương tựa cho các Tỳ-kheo-ni do phạm tội mà đâm ra sợ hãi, phải giữ gìn trọn vẹn giới bốn này.

5. Nếu muốn du hóa bốn phương mà không gặp trở ngại, phải giữ gìn trọn vẹn giới bốn này.

Đó gọi là người thiện nữ có lòng tin vững chắc được năm điều lợi ích khi giữ gìn giới bốn này. Ngoài ra, như ở phần đầu trong năm nhân duyên của Tỳ-kheo trên kia đã nói rõ:

- Nếu Tỳ-kheo-ni không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi Ni chúng mà thọ (hành) dâm, thậm chí hành dâm với loài súc sinh, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Ni chúng.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Là người nữ đủ hai mươi tuổi chứ không phải không đủ, đã thọ Cụ-túc một cách hoàn hảo giữa hai bộ Tăng, đúng pháp chứ không phải không đúng pháp, hòa hợp chứ không phải hòa hợp, một lần bạch, ba lần yết-ma, không có ai cản trở. Đó gọi là Tỳ-kheo-ni.

Không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi Ni chúng: Như ở phần Tỳ-kheo ở trên đã nói rõ.

Thọ: Thọ hưởng với lòng dục.

Dâm: Phi phạm hạnh. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng với người nam, bắt nắng nam, phi nhân nam, súc sinh giống đực đang thức hoặc ngủ, hoặc thầy chết hành dâm tại ba chỗ là miệng, đường tiểu tiện hay đường đại tiện, mà trong mỗi trường hợp đều thọ lạc, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Ni chúng.

Ba-la-di: Đối với Pháp trí bị thoái hóa, đọa lạc, không được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di. Cũng thế, cho đến đối với Tận trí, Vô sinh trí mà thoái hóa, đọa lạc, không được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Đối với Niết-bàn bị thoái hóa, đọa lạc, không được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Đối với phạm hạnh bị thoái hóa, đọa lạc, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Loại tội mà khi vi phạm không thể phát lồ sám hối được, đó gọi là Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô muốn nhìn nam giới thì phạm tội Việt tỳ-ni tâm hối. Nếu dùng mắt nhìn họ, dùng tai nghe tiếng họ, thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu khỏa thân hưởng vào nhau thì phạm tội Thâu-lan; thậm chí, nếu hai căn chạm vào nhau chỉ bằng hạt mè, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni không nói mình trả giới, không nói mình không trả giới, vì giới yếu kém mà làm người thế tục, thì tùy theo mức độ phạm mà kết tội. Nếu làm ngoại đạo thì cũng như thế. Nếu người này lỏa thể, người kia mặc y phục, hoặc người kia lỏa thể, người này mặc y phục; hoặc cả hai cùng mặc y phục; hoặc cả hai cùng lỏa thể; mà hễ hai căn chạm vào nhau chừng một hạt mè thì đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi Ni chúng, rồi mặc đồ thế tục mà phạm giới, thì tùy theo mức độ vi phạm mà kết tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni cưỡng dâm Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni phạm tội Ba-la-di. Nếu khi ấy Tỳ-kheo thọ lạc thì cũng phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cùng hành dâm thì cả hai đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni hành dâm với Sa-di thì Tỳ-kheo-ni phạm tội Ba-la-di, còn Sa-di phải bị trục xuất. Nếu Tỳ-kheo-ni hành dâm với người thế tục thì cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo-ni cùng với ba loài: Người, phi nhân, súc sinh, hành dâm tại ba chỗ là miệng, đường tiểu tiện và đại tiện, trong ba trường hợp: Đang thức, ngủ, hoặc là đã chết thì đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni ngủ hoặc bị cuồng trí hay nhập định mà có người đến leo lên mình hành dâm, lúc ấy Tỳ-kheo-ni hay biết mà giai đoạn đầu, giữa và cuối thọ lạc thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni ngủ, bị cuồng trí hay nhập định, rồi có người đến leo lên mình hành dâm, lúc ấy Tỳ-kheo-ni hay biết, nhưng lúc đầu không thọ lạc mà lúc giữa và cuối có thọ lạc, thì cũng phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni đang ngủ, cuồng trí hay nhập định, rồi có người đến leo lên mình hành dâm, lúc ấy Tỳ-kheo-ni hay biết, nhưng lúc đầu, lúc giữa không thọ lạc mà cuối thọ lạc thì cũng phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni đang ngủ, cuồng trí hay nhập định, rồi có người đến leo lên mình hành dâm, lúc ấy Tỳ-kheo-ni hay biết, nhưng giai đoạn đầu, giữa và cuối đều không thọ lạc, thì không có tội.

Thế nào là thọ lạc? Thế nào là không thọ lạc?

Thọ lạc: Ví như người đói mà được các thức ăn mỹ vị, người ấy lấy việc ăn làm lạc thú; lại như người đang khát mà được các thức uống ngon lành; người ấy lấy việc uống làm thú vị; người thọ dục lạc cũng như vậy.

Không thọ lạc: Ví như người ưa sạch sẽ mà phải dùng các thứ thầy chết quàng vào cổ, hoặc là phải dùng thanh sắt nóng áp vào mụn nhọt

bị vỡ; không thọ lạc cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo-ni thọ dâm do mua được, do thuê được, do ân nghĩa mà được, do quen biết mà được, do đùa bỡn mà được, do thí nghiệm mà được, do tò mò mà được, đều phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu vì cuồng trí hay không biết, thì không có tội. Thế nên nói:

- Nếu Tỳ-kheo-ni không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi Ni chúng mà thọ dâm, thậm chí với cả súc sinh, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di; không được sống chung với Ni chúng.

Ngoài ra, các giới thứ hai, thứ ba, thứ tư thì giống như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ.

2. GIỚI TRỘM CẤP

- Nếu Tỳ-kheo-ni lấy vật mà người ta không cho tại thôn xóm hay nơi hoang dã, rồi tùy theo vật đã lấy mà nhà vua hoặc bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc trục xuất, nói: “Ôi kẻ nữ nhân! Người là quân trộm cướp, là kẻ ngu si”, thì Tỳ-kheo-ni lấy trộm này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Ni chúng.

3. GIỚI SÁT NHÂN

- Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay mình giết người, hoặc đi tìm dao đưa cho họ tự sát, bảo họ chết, khen ngợi sự chết, nói: “Ôi, người ta sống mà xấu xa như thế để làm gì! Thà chết còn hơn sống”. Suy nghĩ như thế, tưởng tượng như thế, tìm phương tiện khen ngợi rằng chết là khoái trá. Nhân đó mà họ chết chứ không có lý do nào khác, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di không được sống chung với Ni chúng.

4. GIỚI ĐẠI VỌNG NGŨ

- Nếu Tỳ-kheo-ni chưa biết, chưa tỏ rõ, mà tự xưng mình được pháp hơn người, có tri kiến thù thắng của bậc thánh, rằng mình thấy như vậy, biết như vậy, rồi sau đó, hoặc bị thẩm tra, hoặc không bị thẩm tra về việc phạm tội, nhưng muốn được thanh tịnh bèn nói như sau: “Thưa Thánh giả! Con không biết mà tự nói là biết, không thấy mà tự nói là thấy. Đó là lời nói hư dối không thật”, thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Ni chúng; ngoại trừ sự tăng thượng mạn.

5. GIỚI TÂM NHIỄM XÚC CHẠM NAM TỬ

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, bên cây Ni-câu-

loại, nước Ca-duy-la-vệ, Đức Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni ở A-luyện-nhã. Nhưng lúc này, tại thôn xóm chưa có Tinh xá nên Tỳ-kheo-ni Lại-tra đến tạm trú nơi nhà của người họ Thích, rồi dạy kinh cho người con trai của họ. Thân sắc của Tỳ-kheo-ni Lại-tra đoan chánh nhưng chưa lia dục, chàng thanh niên kia cũng đoan nghiêm mà chưa lia dục, mỗi ngày chàng đến học kinh ba lần. Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni thường thường trông thấy anh ta nên sinh tâm dục nhiễm vướng, đến nỗi sinh bệnh, nhan sắc vàng vọt. Các Tỳ-kheo-ni bèn đến vấn an cô:

- Thưa Thánh giả, người đau bệnh gì vậy? Có cần thuốc gì không? Nếu cần sữa, dầu, mật, đường phèn thì chúng con sẽ cung cấp.

- Không cần, tự nhiên sẽ khỏi thôi.

Các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng đến vấn an như thế. Đồng thời chàng thanh niên họ Thích kia cũng hỏi cô:

- Thưa Thánh giả, người đau bệnh gì vậy? Có cần thuốc gì không thì con sẽ cung cấp cho. Nếu trong nhà có thì con sẽ đưa, nếu không có thì con sẽ đi tìm nơi khác đem về đưa cho Thánh giả.

- Đây hiền hữu, không phải những thứ thuốc ấy có thể chữa khỏi.

- Thưa Thánh giả, thế thì bệnh này không phải là thân bệnh mà là tâm bệnh chăng?

- Đúng như người nói.

- Thế thì bệnh này làm sao cho khỏi?

- Người có muốn cho ta khỏi không?

- Muốn cho khỏi, nhưng người cần thứ gì con sẽ đi tìm về đưa cho?

- Hãy đến đây cùng làm việc ấy với ta.

- Con không dám. Những người xuất gia khác mặc áo cà-sa, con còn không dám sinh tâm như thế, huống gì Ni sư, người mà con tôn trọng?

- Nếu không thể làm như thế, thì chỉ cần ôm ta nói lời âu yếm, ôm chặt ta vuốt ve từ trên xuống dưới.

- Nếu chỉ cần có vậy thì con có thể làm được.

Đoạn, chàng ta đến ôm cô bày tỏ tình cảm, nắm hai vú, rờ rẫm vuốt ve từ trên xuống dưới, khiến cô thích ý; rồi sau đó cứ thường thường làm như thế. Như Đức Thế Tôn đã dạy: “Nghĩ về sắc đẹp luôn luôn thì tâm nhiễm ô sẽ sinh khởi, giống như người nữ tưởng nhớ người nam hay người nam tưởng nhớ người nữ”.

Từ đó trở đi, hai người cứ tiếp tục làm như thế không ngừng. Các Tỳ-kheo-ni khác liền đến khuyên can cô:

- Thánh giả đừng làm như thế. Điều đó không được làm.
- Nhưng tôi làm việc ấy lại cảm thấy thích thú.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy trình bày với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo nghe thế liền đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Lại-tra đến. Khi cô đến rồi, Phật liền hỏi:

- Người đem tâm ô nhiễm cùng với người nam tử có tâm ô nhiễm, xúc chạm, vuốt ve từ vai xuống, từ đầu gối trở lên để tìm lạc thú phải không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Nay Lại-tra! Đó là việc xấu. Người không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện chê trách dâm dục, rằng dục là thứ rượu mê, dục giống như ngọn lửa dữ đốt hết thiện căn của người, dục là tai họa lớn hay sao? Đồng thời, Ta cũng dùng các phương tiện để khen ngợi ly dục, đoạn dục, vượt qua dục. Vì sao nay người lại làm việc xấu xa ấy? Đó là việc phi pháp, phi luật, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được.

Đoạn, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Ca-duy-la-vệ phải tập họp lại tất cả. Sau khi họ đã tập họp xong, Đức Thế Tôn bèn đem sự việc vừa rồi nói với các Tỳ-kheo-ni, nhấn mạnh về những tai họa do việc xảy ra vừa rồi. Đồng thời, Ngài tùy thuận thuyết pháp, tuyên bố về mười lợi ích mà Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì các đệ tử, chế định việc tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Mười lợi ích đó là:

1. Vì để thâm phục Tăng chúng.
2. Vì để thâm phục tuyệt đối Tăng chúng.
3. Vì để Tăng chúng được an lạc.
4. Vì để hàng phục những người không biết hổ thẹn.
5. Vì để những người biết hổ thẹn được sống yên ổn.
6. Vì để cho người không tin sinh khởi lòng tin.
7. Vì để cho người đã có niềm tin càng tin tưởng hơn.
8. Vì để cho người đang sống trong pháp luật đoạn tận các lậu hoặc.
9. Vì để cho các lậu hoặc chưa sinh không thể sinh khởi.
10. Vì để cho chánh pháp được tồn tại lâu dài, nhằm mở cửa cam lộ cho chư Thiên và người đời.

Đó là mười việc lợi ích. Vì mười việc này mà Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri chế định việc tụng Ba-la-đề-mộc-xoa cho các đệ tử. Thế nên, những ai chưa nghe thì hãy nghe, những ai đã nghe rồi thì

phải nghe lại:

- Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm sờ rãm vuốt ve người đàn ông với tâm ô nhiễm, từ vai trở xuống, từ đầu gối trở lên để thọ lạc thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Người đàn ông có tâm ô nhiễm: Tức là tâm ái dục.

Từ vai trở xuống: Từ vú trở xuống.

Từ đầu gối trở lên: Từ bắp vế trở lên đến rún.

Vuốt ve: Di chuyển bàn tay sờ rãm.

Thọ lạc: Thọ hưởng hoan lạc.

Nhiễm trước: Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di.

Ba-la-di: Như trên đã nói.

Không được sống chung: Không được sống với Tỳ-kheo-ni để hưởng pháp thực và vị thực, hễ trước thế nào thì sau cũng thế ấy, hễ sau thế nào thì trước kia cũng thế. Vì phạm tội Ba-la-di nên không được sống chung.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm sờ rãm, vuốt ve người nam cũng có tâm ô nhiễm, từ vai trở xuống, từ đầu gối trở lên để tìm lạc thú, thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung. Nếu làm như vậy với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni dùng tâm ô nhiễm vuốt ve người nam không có tâm ô nhiễm, cũng phạm tội Ba-la-di. Nếu làm như vậy với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni không có tâm ô nhiễm mà vuốt ve người nam có tâm ô nhiễm thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đối với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo-ni không có tâm ô nhiễm mà xúc chạm người nam cũng không có tâm ô nhiễm thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đối với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Việt tỳ-ni tâm hối.

Nếu Tỳ-kheo-ni bảo người nam cạo đầu thì nên nhờ hai người nữ vịn vào đầu để có cảm giác cái đầu do người nữ chứ không phải người nam. Cũng vậy, khi bảo người nam lễ đầu chảy máu, hay lễ ở tay, ở chân thì nên nhờ người nữ cầm chỗ đó, để có cảm giác cái đầu do người nữ chứ không phải do người nam. Nếu từ vai trở lên, từ đầu gối trở xuống có mụn nhọt, nên bảo người nữ cầm giữ rồi nhờ người nam nặn mụn thì không có tội. Nhưng nếu mụn nhọt ở chỗ kín thì không được làm

như vậy. Chỗ kín nghĩa là từ vai trở xuống, từ đầu gối trở lên. Nếu tại nơi ấy có bệnh thì nên nhờ người nữ chữa trị. Thế nên nói (như trên).

6. GIỚI NHIỆM TÂM THÂN CẬN NAM TỬ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, được chư Thiên, người đời cung kính, cúng dường, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Lại-tra-ba-la dạy kinh cho đồng tử Ly-xa, cho đến đồng tử nói:

- Những người xuất gia khác mặc áo cà-sa, con còn không dám sinh tâm như thế, huống gì Ni sư là người mà con tôn trọng.

- Nếu không làm như vậy, thì hãy đến đứng gần nói chuyện với tôi, nắm tay tôi, nắm y tôi, lại gần vui vẻ, mời ngồi, gặp mình xuống, hẹn cùng đi chung.

- Nếu chỉ có như vậy thì có thể được.

Thế rồi, anh ta làm cho cô thích ý, và thường xuyên làm như vậy không ngừng, đúng như Đức Thế Tôn nói: “Nếu nghĩ đến sắc đẹp không quên thì tâm ô nhiễm phát sinh, như trường hợp người nữ tưởng nhớ người nam, người nam tưởng nhớ người nữ”.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó trình bày với Đại-ái-đạo, Đại-ái-đạo lại bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Lại-tra-ba-la đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc trên:

- Người có làm việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Vì sao người đem tâm ô nhiễm đưa tay ra kéo người nam có tâm ô nhiễm vào sát bên mình và hò hẹn cùng đi chung? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng tâm ô nhiễm đưa tay ra kéo người nam có tâm ô nhiễm lại kề bên mình, cho đến hẹn nhau cùng đi chung.

Đoạn, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo-ni, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

- Nếu Tỳ-kheo-ni đem tâm ô nhiễm, đưa tay ra đụng vào người nam cũng có tâm ô nhiễm, cùng nói chuyện, để cho họ cầm tay, cầm y, họ đến hoan hỷ, mời ngồi, khom mình xuống, hẹn nhau cùng đi chung, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm, người nam có tâm ô nhiễm: Cả hai đều có tâm dâm dục.

Đưa tay ra đụng vào người nam: Đưa cánh tay ra tới chỗ họ.

Nói: Cùng nói thủ thủ.

Để cho họ cầm tay: Hoặc nắm bàn tay, hoặc nắm cổ tay, hoặc nắm ngón tay cái, hoặc nắm ngón tay út.

Hoặc để cho họ cầm y: Như y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, áo lót, áo che mưa.

Họ đến tỏ vẻ hoan hỷ: Họ đi đến mình tỏ ra vui vẻ, và thường thường đi đến.

Mời ngồi: Như nói: “Tôi đã trải giường nệm, mời anh ngồi”.

Khòm mình xuống: Gập mình xuống sát vào họ.

Hẹn cùng đi: Nếu Tỳ-kheo-ni hò hẹn với người nam tại trước quán xá, nơi vườn ao, hoặc chỗ thường đi lại, thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Ba-la-di: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm, cùng với người đàn ông có tâm ô nhiễm, đưa tay ra cho họ, cùng nói chuyện, để cho họ cầm tay, cầm y, họ đến tỏ ra hoan hỷ, mời ngồi, gập mình xuống, hò hẹn cùng đi chung, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Nếu Tỳ-kheo-ni đối xử với người bất năng nam hay người nữ như trên thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm cùng với người đàn ông không có tâm ô nhiễm làm những việc như trên thì cũng phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu xử sự như thế đối với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni không có tâm ô nhiễm cùng với người đàn ông có tâm ô nhiễm làm những việc như trên, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu làm như vậy với người bất năng nam, với phụ nữ thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu cả hai đều không có tâm ô nhiễm, thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đối với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Việt tỳ-ni tâm hối.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm cùng với người đàn ông có tâm ô nhiễm, đưa tay cho họ cầm cho đến hò hẹn cùng đi chung, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu lần lượt phạm từng việc một, đủ tám việc thì thành tội Ba-la-di. Nếu phạm gián cách mà khi đủ tám việc cũng thành tội Ba-la-di. Nếu phạm một khoản liền sám hối tội Thâu-lan-giá, sau khi sám hối lại phạm nữa, cho đến bảy lần cũng thuộc Thâu-lan-giá, nhưng khi đủ tám lần thì thành tội Ba-la-di. Thế nên nói (như trên).

7. GIỚI GIẤU TỘI NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, có gia đình Ly-xa kia, lúc đầu sinh được hai bé trai, sau đó sinh một bé gái. Họ cho thế là điềm không tốt nên thầm nhủ: “Ngày nay đứa bé gái không tốt này không biết có ai lấy không?”. Thế rồi có người hỏi:

- Bà có muốn gởi đứa bé gái này đến chỗ an ổn không?

- Muốn.

- Nếu vậy thì nên đem đến cho Tỳ-kheo-ni Ca-lê nhờ cô ấy nuôi dưỡng.

Gia đình ấy nghe thế liền cho mời Ca-lê đến, thưa: “Thưa Thánh giả! Nay tôi sinh đứa bé gái không tốt lành này không có ai lấy, nhờ cô nuôi lớn, độ nó xuất gia, tôi sẽ cung cấp y thực”.

Tỳ-kheo-ni liền nhận đem về nuôi, cho xuất gia. Và gia đình ấy cứ hằng ngày đưa thức ăn, hằng năm gởi đến y phục. Khi đứa bé lớn, Ni sư cho học giới, rồi cho thọ Cụ túc. Nhưng bản chất của người nữ vốn nhiều dâm tính, cho nên càng lớn thì dục tình càng mạnh mẽ không thể kiềm chế được. Do thế, cô ta bạch với sư phụ:

- Kiết sử của con sinh khởi, con không thích xuất gia, nay con muốn hoàn tục.

- Quái lạ thay! Ở trong cõi tục cũng giống như hầm lửa, làm sao mà có thể vui được.

Từ đó trở đi, dần dần cô thông dâm với người thế tục và các ngoại đạo, rồi mang thứ hai. Tỳ-kheo-ni bèn trục xuất, và nói với sư phụ cô:

- Ni sư không biết đệ tử mình thông dâm với người thế tục và ngoại đạo sao?

- Tôi cũng đã biết từ sớm, nhưng gia đình ấy hằng ngày đưa thức ăn đến, hằng năm cung cấp y phục; nếu tôi bạch với Tăng thì Tăng sẽ trục xuất. Vì ham hai món lợi kia, nên tôi không bạch.

Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ca-lợi đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Người có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Nay Ca-lợi, vì sao người biết Tỳ-kheo-ni phạm trọng tội mà che giấu? Đây là việc phi pháp, phi luật, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, (cho đến) dù ai nghe rồi

cũng phải nghe lại:

- Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni kia phạm trọng tội mà không nói với người khác, sau đó, Tỳ-kheo-ni kia hoặc rời khỏi trú xứ, hoặc chết, hoặc hoàn tục, mới nói với người khác: “Trước đây tôi đã biết Tỳ-kheo-ni ấy phạm trọng tội, nhưng tôi không nói với người khác, vì không muốn cho người khác biết”, thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nghe từ người khác mà biết.

Trọng tội: Nếu phạm một trong tám tội Ba-la-di tức là trọng tội.

Không nói với người khác: Không nói với một người, nhiều người hoặc là chúng Tăng.

Rời khỏi trú xứ: Tức bị trục xuất.

Chết: Sự vô thường xảy đến (qua đời).

Hoàn tục: Rời khỏi pháp luật đang hành trì, làm người thế tục, ngoại đạo. Nếu đến lúc ấy mới nói: “Trước đây tôi đã biết người ấy phạm tội, nhưng không muốn cho người khác biết”, thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Ba-la-di: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni lúc bình minh thấy Tỳ-kheo-ni khác phạm tội mà không có tâm che giấu, đến lúc mặt trời mọc lại khởi tâm che giấu cho đến bình minh hôm sau, thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là hai thời. Cũng vậy cho đến tám thời, như trong vấn đề che giấu của Tỳ-kheo trên kia đã nói rõ.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni phạm trọng tội thì phải nói với người khác. Nếu thấy đệ tử cùng sống chung, đệ tử y chỉ phạm trọng tội, mà vì yêu thương cố tình che giấu tội lỗi của đệ tử, nghĩ: “Nếu ta nói với các Tỳ-kheo-ni thì họ sẽ trục xuất nó”, thì phạm tội Ba-la-di.

Trong trường hợp, Tỳ-kheo-ni ấy nghe lời nói kia, rồi đem nói với Tỳ-kheo-ni quen biết: “Mỗ giáp phạm trọng tội, nếu tôi đem nói với người khác thì Tỳ-kheo-ni sẽ trục xuất người ấy; vì thế mà tôi che giấu”, Tỳ-kheo-ni ấy nghe thế lại suy nghĩ: “Nếu ta nói ra thì cả hai người đều bị trục xuất”, liền che giấu, thì tất cả đều phạm tội Ba-la-di. Cũng vậy, nếu tất cả đều che giấu thì tất cả đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy người khác phạm trọng tội rồi đem nói với Tỳ-kheo-ni khác: “Tôi thấy Mỗ giáp phạm trọng tội”, mà Tỳ-kheo-ni này quở trách: “Nay người làm việc ác, vì sao lại đem nói với ta, chớ có

nói nữa”, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy có người phạm trọng tội thì phải nói với người khác. Nếu kẻ phạm tội ấy hung ác đáng sợ, có thế lực, e họ sẽ giết mình hoặc làm tổn thương phạm hạnh, thì nên suy nghĩ: “Hễ gây nghiệp thì có quả báo, họ tự biết lấy. Ví như hỏa hoạn xảy ra cháy nhà, ta chỉ nên tự cứu mình, hơi đâu mà lo việc người khác”. Nếu tâm tương ứng như thế thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

8. GIỚI THEO TỶ KHEO PHẠM TỘI

Khi Phật an trú nơi vườn Cù-sư-la, tại Câu-diệm-di, lúc ấy Xiển-đà phạm một hoặc hai trọng tội trong năm thiên tội, các Tỳ-kheo hỏi:

- Trưởng lão Xiển-đà, thầy có thấy tội ấy không?

- Ông muốn hỏi tôi có thấy hay không thấy, nhưng tôi không thấy.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Ông Xiển-đà này thường phạm một, hai tội trong năm thiên tội mà nói không thấy, thì Tăng nên làm yết-ma cử tội không thấy tội”.

Sau khi Tăng làm yết-ma cử tội không thấy tội rồi, thầy bèn đi đến Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, nói với mẹ mình:

- Bà-lộ-ê-đế, Tăng làm yết-ma cử tội tôi, không cho tôi hưởng chung pháp thực, vị thực.

- Quái lạ thay, thế thì nay hãy hưởng chung pháp thực, vị thực với ta.

Thế rồi, người mẹ tùy thuận Xiển-đà, Tỳ-kheo-ni bèn can bà:

- Nay mẹ của Xiển-đà, Tỳ-kheo Xiển-đà này đã được Tăng hòa hợp làm yết-ma cử tội đúng pháp, nhưng thầy chưa làm đúng pháp, cô chớ có tùy thuận.

- Tôi là mẹ, ông ta do tôi sinh ra, nếu tôi không tùy thuận thì ai sẽ tùy thuận?

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Nếu Xiển-đà đã được Tăng làm yết-ma cử tội đúng pháp mà Tỳ-kheo-ni mẹ của Xiển-đà lại tùy thuận ông ấy, thì các người nên can gián ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần và ở giữa chúng Tăng ba lần cho bỏ việc ấy. Khi can gián ở chỗ vắng nên hỏi như sau: “Có thật cô biết Xiển-đà đã được Tăng làm yết-ma cử tội đúng pháp mà vẫn tùy thuận không?”. Nếu đáp: “Có thật như vậy”, thì nên khuyên can: “Nay mẹ của Xiển-đà, Tăng đã làm

yết-ma cử tội đúng pháp mà chưa thực hiện đúng thì đừng có tùy thuận. Nay tôi vì lòng từ khuyên can là muốn cho cô được lợi ích. Một lần khuyên đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, cô có bỏ việc đó không?”. Khuyên can lần thứ hai, thứ ba cũng làm như vậy. Rồi khuyên can ba lần ở giữa nhiều người cũng làm như vậy mà nếu như không bỏ thì nên làm pháp yết-ma cầu thỉnh (xin nghe sự trình bày) giữa Ni chúng. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin các Thánh giả Ni lắng nghe. Tăng đã làm yết-ma cử tội Xiển-đà đúng pháp, nhưng Xiển-đà chưa thực hiện đúng, mà mẹ của Xiển-đà lại tùy thuận thầy. Thế rồi, đã được khuyên can ba lần ở chỗ vắng, khuyên can ba lần ở chỗ nhiều người để cô bỏ việc ấy mà cô không bỏ. Nếu thời gian của Ni chúng đã đến, nay Ni chúng cũng nên khuyên can ba lần để cho bỏ việc ấy.

Thế rồi, nên hỏi mẹ của Xiển-đà ở giữa Ni chúng: “Có thật cô biết Tăng đã hòa hợp làm yết-ma cử tội Xiển-đà, song Xiển-đà chưa thực hiện đúng mà cô tùy thuận, thế rồi, Tăng đã khuyên can cô ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần, cho cô bỏ việc ấy mà cô vẫn không bỏ phải không?”. Nếu đáp: “Có thật như vậy”, thì nên khuyên can: “Tăng đã hòa hợp làm yết-ma cử tội Xiển-đà đúng pháp, cô chớ nên tùy thuận (Xiển-đà). Nay Ni chúng muốn cho cô được lợi ích nên khuyên can, cô nên tùy thuận lời khuyên của Ni chúng. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, cô có bỏ việc đó không?”. Nhưng cô đáp: “Không bỏ”. Rồi Ni chúng tiếp tục khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba, cô vẫn nói: “Không bỏ”.

Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi cô đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Người có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Người không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện chê trách tính bướng bỉnh khó khuyên bảo, ca ngợi sự dễ khuyên bảo hay sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy. Không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được. Vì sao người lại tùy thuận Tỳ-kheo bị cử tội? Từ nay về sau, ta không cho phép tùy thuận Tỳ-kheo bị cử tội.

Thế rồi, Phật bảo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Câu-diệ-m-di phải tập họp lại tất cả, dù cho ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

- *Nếu Tỳ-kheo-ni nào biết Tăng đã hòa hợp, như pháp, như luật*

làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo, song vị Tỳ-kheo ấy chưa thi hành đúng mà tùy thuận, thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy: “Này Thánh giả, vị Tỳ-kheo ấy đã được Tăng hòa hợp, như pháp, như luật, làm yết-ma cử tội, song thầy ấy chưa thi hành đúng, cô chớ có tùy thuận”. Nếu khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can mà nói như sau: “Tôi không tùy thuận thì ai tùy thuận”, thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can đến lần thứ hai thứ ba cho bỏ việc ấy. Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Giải Thích:

(Một số từ ngữ ở trên đã giải thích).

Hòa hợp: Không biệt chúng.

Như pháp như luật: Khi thấy không có tội thì không vạch tội về việc không bỏ ba ác kiến là: hủy báng kệ kinh, tà kiến và biên kiến.

Bị cử (tội): Không được sống chung.

Chưa thi hành đúng pháp: Chưa tùy thuận Tăng, Tăng chưa giải tội.

Tùy thuận: Cùng hưởng pháp thực và vị thực.

Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy như sau: “Này Thánh giả, vị Tỳ-kheo ấy đã được Tăng làm yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật mà thầy chưa thi hành đúng, vậy cô chớ có tùy thuận hưởng chung pháp thực và vị thực”, mà Tỳ-kheo-ni ấy nói: “Tôi không tùy thuận thì ai tùy thuận”, thì nên khuyên can tiếp cho đến ba lần. Sau ba lần nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di.

Ba-la-di: Như trên đã nói.

Khi khuyên can ở chỗ vắng ba lần mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Việt tỳ-ni. Khi khuyên can ở chỗ nhiều người cũng như vậy.

Khi khuyên can ở giữa chúng Tăng, lúc bắt đầu khuyên can thì phạm tội Việt tỳ-ni, khuyên can xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi bắt đầu khuyên can lần thứ hai thì phạm tội Việt tỳ-ni, khuyên can xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi bắt đầu khuyên can lần thứ ba thì phạm tội Thâu-lan-giá, khuyên can xong thì phạm tội Ba-la-di.

Sau khi được khuyên can ở chỗ vắng, ở chỗ nhiều người, ở giữa chúng Tăng, gồm tất cả các tội Việt tỳ-ni, tất cả các tội Thâu-lan-giá thành một trọng tội là Ba-la-di. Nếu đang lúc khuyên can mà bỏ thì tùy theo bỏ ở chỗ nào trị tội ở khoản đó.

Kệ tóm tắt:

“Dâm, trộm và giết người,

*Nói dối rằng đắc đạo.
Vai xuống, đầu gối lên,
Tâm nhiễm ô, tám việc.
Giấu tội, theo người phạm,
Hết tám Ba-la-di”.*
